TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 01/12/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk* tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02/11/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 15/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Phương G, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 89, thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Ngô Việt Q, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 126 đường T, tổ dân phố N, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hồ Thị Phương G trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Ngô Việt Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, ông Q không có sự tôn trọng vợ và bố mẹ vợ. Từ đầu năm 2023 đến nay bà G, ông Q không chung sống với nhau. Nay bà G xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà G và ông Q được ly hôn.

Về con chung: Bà G và ông Q có một con chung là cháu Ngô Việt A, sinh ngày 02/3/2021, bà G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu A cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện bà G có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng, nên không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Ngô Việt Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Hồ Thị Phương G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, chỉ có đôi lúc xích mích vì có quan điểm khác nhau trong các vấn đề kinh tế, nuôi dạy con cái. Đầu năm 2023 bà G về nhà mẹ đẻ tại xã T, huyện B sinh sống và không đồng ý về chung sống cùng ông Q nữa. Vì con chung của ông bà bị chậm nói nên ông Q có mong muốn hai vợ chồng cùng nhau chăm sóc con và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu bà G vẫn muốn ly hôn thì ông Q đồng ý nhưng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

- Về con chung: Ông Q và bà G có một con chung là cháu Ngô Việt A, sinh ngày 02/3/2021, ông Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu A cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện ông Q ở nhà phụ bố mẹ canh tác rẫy sầu riêng, bố mẹ có tặng cho riêng ông Q khoảng 4.000m^2 đất rẫy trồng sầu riêng nhưng đến nay vẫn chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thu nhập bình quân hàng năm của ông Q khoảng 200.000.000 đồng, thu nhập chủ yếu từ thu hoạch sầu riêng. Thu nhập khi ông Q còn đi làm nghề là khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Nên bà G không yêu cầu cấp dưỡng thì ông Q không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản án số 44/2023/HNGĐ-ST ngày 18/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Phương G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phương G được ly hôn với ông Ngô Việt Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Việt A - sinh ngày 02/3/2021 cho bà Hồ Thị Phương G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2023 bị đơn ông Ngô Việt Q có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, giao con chung là cháu Ngô Việt A - sinh ngày 02/3/2021 cho ông Q nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Q là không có căn cứ, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Ngô Việt Q. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2023/HNGĐ-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các bên đương sự.

[2.1] Xét yêu cầu của bà G thấy rằng: Bà G, ông Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Ngô Việt A - sinh ngày 02/3/2021; Đầu năm 2023 khi hai bên xảy

ra mâu thuẫn bà G chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ và ly thân ông Q cho đến nay. Tại thời điểm sống ly thân, cháu A mới 02 tuổi vẫn do bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến khoảng tháng 6/2023 ông Q đón cháu A về chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Xét thấy, ngay trong tháng 7/2023, sau khi ông Q đón con về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà G đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Như vậy, có căn cứ khẳng định từ khi sinh con cho đến khi cháu A 02 tuổi người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A là bà G, cháu A từng được bà G cho can thiệp giáo dục tại Công ty K từ thời gian ngày 12/6/2023 đến ngày 23/6/2023 có xác nhận của Công ty TNHH tư vấn và hỗ trợ trẻ đặc biệt K. Do đó, lời khai nại của ông Q cho rằng trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, bà G bỏ mặc không đi lại quan tâm chăm sóc con cái là không có căn cứ.

Xét các điều kiện của bà G, thấy: Bà G hiện làm giáo viên hỗ trợ trẻ đặc biệt, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng (Bl 23 – Đơn xin xác nhận mức lương), có xác nhận của Công ty TNHH tư vấn và hỗ trợ trẻ đặc biệt K. Bà G có chỗ ở ổn định cùng gia đình tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Hơn nữa, cả ông Q, bà G đều xác định cháu A bị chậm nói, chậm phát triển nên cần thiết phải có sự giáo dục, quan tâm, chăm sóc đặc biệt cả về thể chất và tinh thần để phát triển một cách toàn diện. Bà G đã được đào tạo về chuyên ngành sư phạm mầm non và hiện đang làm giáo viên hỗ trợ trẻ đặc biệt nên việc giao con cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp hơn. Bên cạnh đó, tại khoản 3 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình quy định *"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".*

[2.2] Xét yêu cầu của ông Q, thấy rằng: Ông Q hiện làm nông cùng gia đình tại huyện M, từ thời điểm sống ly thân với bà G cho đến nay ông Q cùng cháu A sống chung với bố mẹ đẻ của ông Q và cháu A cũng được ông Q nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Do đó, ông Q cũng đủ điều kiện được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Xét thấy, ông Q, bà G đều có yêu cầu và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Đây cũng là mong muốn, nguyện vọng chính đáng của bố mẹ đối với con. Tuy nhiên, như nhận định và phân tích tại [2.1], cháu A hiện dưới 36 tháng tuổi, là trẻ bị chậm nói, chậm phát triển nên cần có sự hỗ trợ, giáo dục đặc biệt, vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu A được phát triển toàn diện, lành mạnh về thể chất, tinh thần, trí tuệ và đạo đức nên cần chấp nhận yêu cầu của bà G, giao cháu A cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), là phù hợp theo quy định tại Điều 2; khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Bản sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà G, giao cháu A cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp.

Từ những phân tích nhận định trên [2] nhận thấy, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Việt Q. Cần giữ nguyên Bản án hôn

nhân gia đình sơ thẩm số 44/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Việt Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Ngô Việt Q. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Phương G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phương G được ly hôn với ông Ngô Việt Q.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Việt A - sinh ngày 02/3/2021 cho bà Hồ Thị Phương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Phương G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0014388 ngày 20/6/2023.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Việt Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014583 ngày 28/9/2023.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung